

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HSST

Ngày 25-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lâm

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phú - Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HS ngày 15/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HS ngày 28/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HS ngày 28/7/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986, nơi sinh: Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn G, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công K (tên khác: Nguyễn Văn K) và con bà Nguyễn Thị S1; vợ Nguyễn Thị H (đã ly hôn); con: 01, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: 05 (Tại Bản án số 20/2018/HSST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt và án phí, đã xóa án tích; Tại Bản án số 57/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Đường 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 16/2021/HSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tổng hợp hình phạt 03 năm tù của Bản án số 57/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo phải chấp hành 04 năm 03 tháng tù; Tại Bản án số 20/2021/HSST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo 01 năm tù về

tội “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 40/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 01 năm tù của Bản án số 20/2021/HSST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang, tổng cộng bị cáo phải chấp hành 09 năm 06 tháng tù). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/8/2020 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam của Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến- Bộ Công An, có mặt.

2. Bùi Khắc T, sinh năm 1986, nơi sinh: Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Khắc T1 và con bà Lưu Thị L1; vợ Nguyễn Thị H1; con: Không; tiền sự: Không; tiền án: 01 (Tại Bản án số 119/2012/HSST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân quận T2, thành phố Hà Nội, xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và truy nộp số tiền 9.500.000đ để sung quỹ nhà nước, ngày 17/3/2013 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp xong số tiền truy nộp nên chưa được xóa án tích); nhân thân: 03 (Tại Bản án số 57/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt T 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 20/2021/HSST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo T 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 40/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt bị cáo T 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 03 năm tù của Bản án số 57/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang và 02 năm tù của Bản án số 20/2021/HSST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang, tổng cộng bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm 06 tháng tù); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/8/2020 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam của Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến- Bộ Công An, có mặt.

Bị hại: Anh Lê Quang Đ1, sinh năm 1978; trú tại: Khu 12, xã K2, thành phố V2, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Quang T3, sinh năm 1958; trú tại: Khu 12, xã K2, thành phố V2, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 16/6/2020, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, BKS: 22B2 - 385.59 chở Đ đi theo đường Quốc lộ 2 từ huyện S, tỉnh Tuyên Quang đến phòng trọ của Đường ở khu 8, xã C, thành phố V2, tỉnh Phú Thọ. Khi đi đến đoạn đường cách trạm thu phí IC8 đường cao tốc N khoảng hơn 200m, T và Đ quan sát thấy ở dưới cánh đồng Bực, thuộc khu 8, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ có một chiếc

máy xúc đào màu cam nhãn hiệu DOOSAN, không hoạt động nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T và Đ quan sát vị trí, tìm đường đi đến máy xúc, bàn nhau đến tối sẽ quay lại, nếu thấy không có người trông coi sẽ trộm cắp hộp đen của chiếc máy xúc để bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 01 giờ sáng ngày 17/6/2020, T điều khiển xe mô tô BKS 22B2 – 385.59 chở Đ từ phòng trọ đi theo đường Quốc lộ 2 từ thành phố V2 đi huyện P, khi đi đến đầu lối rẽ vào đoạn đường bê tông thuộc khu 8, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ thì dừng lại và thống nhất với Đ sẽ đi lòng vòng gần đó để chờ Đ, sau khi Đ trộm cắp được tài sản sẽ quay lại đón.

Đ xuống xe đi bộ một mình đến vị trí chiếc máy xúc nhãn hiệu DOOSAN, quan sát thấy không có người trông coi, kiểm tra nắp máy phía sau không khóa nên Đ dùng tay mở nắp máy rồi dùng cờ lê và kéo mang theo từ trước tháo, mở ốc chốt hãm, cắt dây điện trộm cắp 01 (một) chiếc hộp đen và 01 (một) chiếc mô tơ ga. Tiếp đó Đ sử dụng điện thoại của mình lắp sim số 0386041789 gọi đến số điện thoại 0984717090 của T để bảo T quay lại đón đi về phòng trọ. Sau khi trộm cắp được chiếc hộp đen và chiếc mô tơ ga trên, Đ khai đã nhờ bạn là Lưu Đức M, sinh năm 1989 ở cùng khu bán hộ được 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Đ và T chia nhau mỗi người 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), cả hai đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra làm rõ chiếc máy xúc này của ông Lê Quang T3, sinh năm 1958, trú tại khu 12, xã K2, thành phố V2, tỉnh Phú Thọ giao cho con trai là anh Lê Quang Đ1, sinh năm 1978; trú tại: Khu 12, xã K2, thành phố V2, tỉnh Phú Thọ quản lý, sử dụng. Ngày 16/6/2020, anh Đ1 sử dụng chiếc máy xúc để đào ao thuê cho ông Khuất Văn P1, trú tại: Khu 8, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, do tối muộn, việc di chuyển máy xúc khó khăn nên để lại tại vị trí đào, sáng hôm sau làm tiếp thì bị trộm cắp như trên.

Tại Kết luận định giá ngày 23/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phù Ninh kết luận 01 (một) chiếc hộp đen và 01 (một) chiếc mô tơ ga của chiếc máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN DX55ACE, số khung DX55ACE5032; đã qua sử dụng do Hàn Quốc sản xuất năm 2011 trị giá 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra đã làm rõ đối với Lưu Đức M (hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu), M thừa nhận đã nhiều lần bán hộ cho Đ nhiều chiếc hộp đen máy xúc. M bán cho những người không quen biết qua mạng xã hội facebook, nhưng không xác định được chiếc hộp đen nào là vật chứng Đ trộm cắp tại địa bàn huyện P. Đồng thời, M khai nhận chưa từng bán hộ Đ chiếc mô tơ ga nào nên không đủ căn cứ để xác định M đã tiêu thụ chiếc hộp đen và mô tơ ga do Đ và T trộm cắp tại khu 8, xã P, huyện P ngày 17/6/2020. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý M về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSPN ngày 09/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo T, Đ đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Đ; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo T. Đề nghị xử phạt bị cáo T và bị cáo Đ mỗi bị cáo 30 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc hai bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Lê Quang Đ1 số tiền 70 triệu đồng (Chia theo phần mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$ tương đương 35.000.000đ). Về vật chứng và án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Ninh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục là đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho các bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Bị hại anh Lê Quang Đ1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T3 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị các bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

[2]. Về nội dung:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng hơn 01 giờ sáng, ngày 17/6/2020, tại cánh đồng B, thuộc khu 8, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn Đ và Bùi Khắc T, đã cùng nhau trộm cắp 01 (một) chiếc hộp đen và 01 (một) chiếc mô tơ ga của chiếc máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN DX55ACE, số khung DX55ACE5032, máy đã qua sử dụng do Hàn Quốc sản xuất năm 2011 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Lê Quang T3, sinh năm 1958, trú tại: Khu 12, xã K2, thành phố V2, tỉnh Phú Thọ đã giao cho con trai là anh Lê Quang Đ1, sinh năm 1978; trú tại: Khu 12, xã K2, thành phố V2, tỉnh Phú Thọ quản lý, sử dụng. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Như vậy, hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Đ và Bùi Khắc T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt cao nhất từ 02 năm đến 07 năm tù.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và động cơ vụ lợi cá nhân, gây lo sợ trong quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản nên cần phải xử phạt nghiêm minh, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo rắn đe, giáo dục với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo T có nhân thân xấu, có 01 tiền án, không có tiền sự. Do bị cáo T có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, Thành được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 do “Người phạm tội tự thú”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và ông nội là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến.

Bị cáo Đ có nhân thân xấu, không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 do “Người phạm tội tự thú”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, ông ngoại là liệt sỹ và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến.

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, hai bị cáo cùng bàn bạc, cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng vai trò của Đ trong vụ án có phần nhiều hơn nên nhẽ ra Đ phải chịu hình phạt cao hơn T. Tuy nhiên, T lại chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cho hai bị cáo hưởng mức hình phạt tương đương nhau là phù hợp.

Về tổng hợp hình phạt của các bản án:

Đến thời điểm Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm thì các Bản án của các Tòa án đã xét xử trước đó đều đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện

Phù Ninh tổng hợp hình phạt của các bản án là đúng quy định. Tuy nhiên, phần hình phạt của Bản án nào đã được tổng hợp thì không tổng hợp lại, cụ thể:

Đối với bị cáo Đ: Tại Bản án số 16/2021/HSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Cao Bằng đã tổng hợp hình phạt của Bản án số 57/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Tại Bản án số 40/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đã tổng hợp hình phạt của Bản án 20/2021/HSST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh chỉ tổng hợp hình phạt của Bản án số 16/2021/HSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Cao Bằng và Bản án số 40/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Đối với bị cáo T: Tại Bản án số 40/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đã xử phạt bị cáo Thành 03 năm 06 tháng tù và tổng hợp hình phạt với Bản án số 57/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang và Bản án số 20/2021/HSST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh chỉ tổng hợp hình phạt của Bản án số 40/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng qua xác minh các bị cáo đều không có tài sản, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) là giá trị thiệt hại của tài sản bị trộm cắp cần buộc hai bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại là anh Lê Quang Đ1. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại đề nghị mỗi bị cáo phải bồi thường 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí mỗi người phải bồi thường cho bị hại $\frac{1}{2}$ giá trị thiệt hại, tương ứng là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), xét thấy là phù hợp.

Chủ sở hữu tài sản ông Lê Quang T3 có đơn đề nghị không yêu cầu anh Lê Quang Đ1 phải bồi thường cho mình giá trị các tài sản bị trộm cắp nên Tòa án không đề cập xem xét trách nhiệm dân sự giữa ông T3 và anh Đ1.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Đối với vật chứng của vụ án là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, BKS: 22B2 - 385.59 và chiếc kéo Nguyễn Văn Đ sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã được xử lý tại Bản án số 57/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bằng hình thức tịch thu, tiêu hủy và tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Đối với 01 chiếc cờ lê bằng kim loại Đ khai đã vứt bỏ trên đường đi từ thành phố V2, tỉnh Phú Thọ về huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xem xét.

Đối với Lưu Đức M có thừa nhận đã nhiều lần bán hộ cho Đ nhiều chiếc hộp đen máy xúc thông qua việc giao bán trên mạng xã hội facebook cho những người không quen biết, không có địa chỉ cụ thể. Bản thân M không xác định được chiếc hộp đen nào là vật chứng Đ trộm cắp tại địa bàn huyện P và tại phiên tòa Đ khai không nhớ rõ có nhờ M bán các tài sản này không. Đồng thời, M khai nhận chưa từng bán hộ Đ chiếc mô tô ga nào nên không đủ căn cứ xác định M đã tiêu thụ chiếc hộp đen và mô tô ga do Đ và T trộm cắp tại khu 8, xã P, huyện P ngày 17/6/2020. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý M về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các căn cứ pháp luật, đề xuất về hình phạt, xử lý vật chứng và án phí là phù hợp.

[3]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Khắc T.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 357, 587 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ và Bùi Khắc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (Ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù của Bản án số 16/2021/HSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Cao Bằng và hình phạt 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù của Bản án số 40/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu; bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung là 16 (Mười sáu) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/8/2020.

Thời gian đã chấp hành hình phạt tù của Bản án số 57/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang (từ ngày 27/8/2020 đến ngày 25/8/2021) được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

1.2. Xử phạt bị cáo Bùi Khắc T 03 (Ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù của Bản án số 40/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu; bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/8/2020.

Thời gian đã chấp hành hình phạt tù của Bản án số 57/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang (từ ngày 27/8/2020 đến ngày 25/8/2021) được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với cả hai bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Các vật chứng của vụ án đã được xử lý tại Bản án số 57/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Bùi Khắc T mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Quang Đ1 số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Về hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Bùi Khắc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Bùi Khắc T mỗi bị cáo phải chịu 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- THA HS, DS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã L, S, Tuyên Quang
- UBND xã V; S, Tuyên Quang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hương